

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HS-ST  
Ngày 25 tháng 02 năm 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Bình

**- *Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Nguyễn Thị Ngân Hiền

2. Bà Nguyễn Khánh Vân

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2020/TLST - HS ngày 24 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2020/QĐXXST- HS ngày 21 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐHS- ST ngày 01 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

**- *TRẦN ĐỨC H;*** sinh ngày 07 tháng 4 năm 1975, tại Hà Giang; nơi ĐKKHKT: Tổ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức L và bà Nguyễn Thị Tr; vợ: Trần Thị Phương L con: Có hai con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 16/10/2019 bị Công an phường T, thành phố H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) về hành vi Xâm hại sức khỏe của người khác; nhân thân: Ngày 23/5/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang tuyên phạt 05 năm tù về tội Tham ô tài sản tại Bản án số 32/2008/HSST (đã được xóa án tích); bị cáo bị bắt ngày 03/9/2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H. Có mặt.

**- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

+ Anh Nguyễn Trung T; sinh năm 1984; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn Đ, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, có mặt.

+ Anh Phan Trọng T; sinh năm 1987; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Số nhà 116, tổ 17, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

+ Chị Quan Thị Y; sinh năm 1998; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn 3, Thuộc T xã Tân Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Chị Điều Thị T; sinh năm 1994; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn Bản H, xã Mường M, huyện T, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

+ Chị Trần Thị Phương L; sinh năm 1974; nghề nghiệp: Cán bộ; địa chỉ: Tổ 14, phường T, TP H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1966; nghề nghiệp: Kinh doanh; địa chỉ: Tổ 8, phường T, TP H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ 0 giờ 30 phút đến 03 giờ ngày 03/9/2020, bị cáo Trần Đức H đã 02 lần thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Trung T, cụ thể: Lần một bán cho T 04 (*Bốn*) viên thuốc lắc và 01 (*Một*) chỉ Ketamine, thu lợi 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*); lần thứ hai bị cáo H đã thỏa thuận bán ma túy cho T hai chỉ Ketamine tại khách sạn H nhưng khi đến trước cửa khách sạn để giao ma túy thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Mục đích bị cáo H bán ma túy để kiếm lời tiêu sài cá nhân.

Tại phiên tòa bị cáo H khai: Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 03 tháng 9 năm 2020, Nguyễn Trung T gọi điện thoại bằng số điện thoại của T cho bị cáo hỏi mua ma túy tổng hợp (*thuốc lắc và ketamine*) để sử dụng nhưng bị cáo không nghe máy, T tiếp tục lấy điện thoại có số thuê bao là 0398.980.098 gọi cho bị cáo nhưng cũng không nghe vì khi đó bị cáo đang ở tại phòng thuê trọ, thấy số lạ gọi đến nên bị cáo không nghe máy. Một lúc sau, bị cáo sử dụng số điện thoại 0382.248.685 gọi lại vào số 0398.980.098, thấy T nghe máy và nói “*Em T Đồng Văn đây, anh có đồ không*”, bị cáo tự hiểu ý T muốn hỏi mua ma túy tổng hợp (*thuốc lắc và ketamine*) nên trả lời “*anh có một ít*”, T nói tiếp “*Để cho em bốn viên kẹo và một chỉ ke*”, bị cáo đồng ý và nói giá bán là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), và bảo T chuyển tiền trước bị cáo mới giao ma túy, đồng thời đọc số tài khoản của bị cáo là 8200205120553 mở tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh H cho T. Khi thấy tài khoản báo T đã chuyển số tiền 5.000.000đ, bị cáo hẹn T đến khu vực ngã ba sân vận động C10 (*cũ*) để nhận ma túy. Sau khi nhận được tiền T trả, bị cáo lấy bốn viên ma túy loại thuốc lắc và một gói Ketamine cho vào chiếc phong bì thư quần lại đút vào túi quần rồi đi bộ từ phòng thuê trọ ra ngã ba giao nhau giữa đường Lý Tự T và L đứng đợi T. Khoảng 05 phút sau T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI SANTAFE biển kiểm soát 23A - 073.06 T hạ cửa kính bên phụ xuống, bị cáo lấy gói ma túy trong

túi quần ra thả vào trong xe ô tô rồi đi về phòng thuê trọ. Sau đó, đến khoảng 3 giờ 00 phút cùng ngày T sử dụng số điện thoại 0388.216.666 gọi cho bị cáo và nói “*Anh lấy thêm cho em hai chỉ ke mang xuống khách sạn Hoàng Kim nhé*”; Bị cáo hiểu ý T muốn mua hai gói Ketamine và yêu cầu bị cáo mang xuống khách sạn H ở phía sau Bến xe khách thành phố H nên đồng ý. Bị cáo đi bộ từ phòng thuê trọ sang ngôi nhà đang xây của bị cáo (*cách phòng thuê trọ 30 mét*), lấy tờ lịch gói hai túi ma túy Ketamine vào trong, cầm trên tay và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE biển kiểm soát 23B1 - 158.76 đến điểm hẹn. Khi bị cáo đi đến trước cửa khách sạn H thì bị lực lượng Công an thành phố H phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng liên quan.

Về nguồn gốc ma túy, bị cáo H khai nhận: Khoảng tháng 8 năm 2020, bị cáo một mình vào quán BAR ở khu vực khách sạn Điện lực tại thành phố Hà Nội; tại đây, bị cáo có mua ma túy tổng hợp (*Thuốc lắc và Ketamine*) để sử dụng. Trước khi ra về, bị cáo có hỏi và mua được của một thanh niên khoảng 30 tuổi (*Hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) sáu viên ma túy tổng hợp (*Trong đó có bốn viên màu trắng và hai viên màu hồng*) và bốn gói Ketamine hết tổng số tiền là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) mục đích đem về thành phố Hà Giang để bán kiếm lời. Khi về đến phòng thuê trọ ở tổ 14, phường T, thành phố H, bị cáo cất giấu hai viên ma túy tổng hợp màu hồng mua được trên giá sách trong phòng ngủ và một gói ketamine trong hộp đựng đồng hồ để trên giá sách, số ma túy còn lại bị cáo luôn mang theo người để bán cho ai có nhu cầu sử dụng. Số ma túy bị cáo bán cho anh T chính là số ma túy bị cáo mua ở Hà Nội từ tháng 8/ 2020 và bị cáo bán cho T hai lần, lần đầu là 04 (*Bốn*) viên thuốc lắc và 01 (*Một*) chỉ Ketamine với giá 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*); lần thứ hai có thỏa thuận bán ma túy cho T, trên đường giao ma túy thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Lời khai của Nguyễn Trung T: Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 03 tháng 9 năm 2020, T ăn đêm tại khu vực nhà nghỉ Bồng Lai, thuộc phường N, thành phố H cùng với Y và T. Tại đây, cả ba người rủ nhau góp tiền mua ma túy để sử dụng, T sử dụng số điện thoại 0388.216.666 gọi vào số điện thoại 0966.288.565 cho bị cáo H nhà ở khu vực gần quán cà phê 479 phường T, TP H hỏi mua ma túy tổng hợp (*thuốc lắc và ketamine*) để sử dụng nhưng H không nghe máy, Thành tiếp tục lấy điện thoại của Y có số thuê bao là 0398.980.098 gọi cho H nhưng vẫn không nghe. Một lúc sau, H sử dụng số điện thoại 0382.248.685 gọi lại vào số 0398.980.098 của Y, nên T nghe máy luôn và nói “*Em Thành Đồng Văn đây, anh có đồ không*”, ý là anh còn ma túy không bán cho em một ít, H trả lời “*có lấy bao nhiêu*”, T nói tiếp “*Để cho em bốn viên kẹo và một chỉ ke*”, H đồng ý và nói giá bán là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) và yêu cầu T chuyển khoản trả tiền trước vào tài khoản của bị cáo H, đồng thời đọc số tài khoản cho T và hẹn đến khu vực ngã ba sân vận động C10 (*cũ*) để nhận ma túy. T đồng ý và chuyển số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) từ số tài khoản 8202205025771 mở tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Đ của T vào tài khoản của bị cáo H (Toàn bộ số tiền 5.000.000 là của T, T và Y nói sẽ trả cho T sau). Sau khi chuyển tiền cho H xong T điều khiển xe ô

tô nhãn hiệu HUYNDAI SANTAFE biển kiểm soát 23A - 073.06 chở Y ngồi ghế phụ, T ngồi hàng ghế sau đi đến điểm hẹn. Thấy H đi đến sát bên cửa phụ của xe, T hạ cửa kính bên phụ xuống, H lấy gói ma túy ném vào trong xe ô tô. Khi lấy được ma túy T điều khiển xe ô tô đến khách sạn H thuộc thôn C, xã P, thành phố H cùng Y, T thuê phòng số 303 để sử dụng ma túy, tại đây Y rủ thêm chị Th đến khách sạn để chơi và sử dụng ma túy. Khoảng 3 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi sử dụng hết số ma túy mua được. T sử dụng số điện thoại 0388.216.666 gọi cho bị cáo H và nói “*Đem thêm cho em hai chỉ ke xuống khách sạn H*”, H đồng ý. Khi đang chờ bị cáo H đến thì thấy lực lượng Công an vào kiểm tra lập biên bản về hành vi sử dụng ma túy của mọi người.

\* Ngày 03/9/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiến hành mở niêm phong và cân tịnh khối lượng:

- Túi thứ nhất có kích thước 3 x 3cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, có khối lượng 1,23g (*Một phẩy hai mươi ba gam*), ký hiệu A1; túi thứ hai có kích thước 3 x 3cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, có khối lượng 1,278g (*Một phẩy hai trăm bảy mươi tám gam*), ký hiệu A2; Mở túi ni lon màu trắng, miệng túi có viền màu đỏ, có kích thước 4 x 7,5cm, trong túi có chứa 02 (Hai) viên nén màu hồng có kích thước giống nhau 1 x 1,1 x 0,4cm, có tổng khối lượng 0,95g (*Không phẩy chín mươi lăm gam*), ký hiệu A3; Túi ni lon màu trắng, miệng túi có viền màu xanh, kích thước 3 x 3,5cm, có chứa chất tinh thể màu trắng, có khối lượng 0,659g (*Không phẩy sáu trăm năm mươi chín gam*), ký hiệu A4.

Tại Kết luận giám định số: 301/KL-PC09 ngày 08/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận:

- Các mẫu chất tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu A1, A2, A4 là ma túy, loại Ketamine có tổng khối lượng là 3,167g (*ba phẩy một trăm sáu mươi bảy gam*). Ketamine nằm trong danh mục III, STT 35, Nghị định 73/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- 02 (hai) viên nén màu hồng gửi giám định ký hiệu A3 là ma túy, loại MDMA có tổng khối lượng là 0,950g (*không phẩy chín trăm năm mươi gam*). MDMA nằm trong danh mục IB, STT 27, Nghị định 73/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

\* Vật chứng vụ án thu được:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Giang đã thu những vật chứng sau:

- 01 (một) đôi dép giả da màu nâu, đế màu đen, kích thước 27 x 10,5cm đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VSMART màn hình cảm ứng màu đen, ốp ngoài bằng nhựa màu trắng đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA-WAVE màu sơn xanh đen, biển kiểm soát 23B1 - 158.76 đã qua sử dụng; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh đã qua sử dụng; 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng trắng dài 56cm, một mặt kim loại màu vàng trắng có hình mặt

người đã qua sử dụng; 01 (một) chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA đã qua sử dụng.

- 01 (một) phong bì niêm phong kín, mặt trước phong bì có chữ: CÔNG AN TỈNH HÀ GIANG, PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ; SỐ...../PC09, Kính gửi: “Mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4”, mặt sau có hai hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang và chữ ký, chữ viết tên của thành phần tham gia; 01 (một) phong bì niêm phong kín, mặt trước phong bì có chữ: CÔNG AN TỈNH HÀ GIANG, PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ; SỐ...../PC09, Kính gửi: “Mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu A1”, mặt sau có hai hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang và chữ ký, chữ viết tên của thành phần tham gia.

- 01 (một) phong bì niêm phong kín, mặt trước ghi: “Vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ”, mặt sau có ba hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang và tám chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) phong bì niêm phong kín, mặt trước ghi: “Toàn bộ các vỏ bao gói và các phong bì niêm phong cũ”, mặt sau có ba hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang và sáu chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong.

- 5.000.000đ (Năm triệu đồng) được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tại Kho bạc tỉnh Hà Giang.

Hiện số vật chứng được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Bản cáo trạng số 46/CT-VKS-TPHG ngày 24/11/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Trần Đức H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận giám định, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang sau phân xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung Cáo trạng truy tố đã nêu. Đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Trần Đức H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 57 - Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Đức H từ 07 đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 03/9/2020.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật

Bị cáo Trần Đức H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến đối đáp lại với luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Bị cáo hứa sẽ cải tạo tốt và xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vụ án nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo Trần Đức H đã khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 0 giờ 30 phút đến 03 giờ ngày 03/9/2020, bị cáo Trần Đức H đã 02 lần thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Trung T, lần một bán cho Thành 04 (*Bốn*) viên thuốc lắc và 01 (*Một*) chỉ Ketamine, thu lợi 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*); lần thứ hai đã thỏa thuận bán ma túy cho T hai chỉ Ketamine tại khách sạn H nhưng khi bị cáo H đang mang ma túy đến trước cửa khách sạn để giao cho T thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, mục đích bị cáo H bán ma túy để kiếm lời tiêu sài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân phố H, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ. Ma túy là loại độc dược có tính gây nghiện cao nên Nhà nước độc quyền quản lý, nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng các chất ma túy. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, hoàn toàn nhận thức được tính nguy hiểm của ma túy và tác hại của nó làm cho người sử dụng bị lệ thuộc, bị suy giảm về sức khỏe, trí tuệ, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của bản thân, nghiện hút ma túy còn là nguyên nhân chính làm phát sinh nhiều tội phạm khác. Do mục đích thu lợi nhuận trái phép bị cáo đã bất chấp pháp luật bán ma túy nhiều lần cho người sử dụng. Hành vi phạm tội của bị

cáo là rất nghiêm trọng, phạm tội với lỗi cố ý, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, việc xử lý bị cáo trước pháp luật là hoàn toàn thỏa đáng.

[4]. Bị cáo là người có nhân thân không tốt, năm 2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, tuyên xử phạt 05 năm tù về tội Tham ô tài sản (đã được xoá án tích); ngày 16/10/2019 bị Công an phường T ra QĐ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Xâm hại sức khỏe người khác bằng hình thức phạt tiền. Tuy nhiên bị cáo không rút kinh nghiệm, lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Qua đó thể hiện bị cáo là người không có ý thức chấp hành pháp luật, nên cần thiết phải xử phạt bị cáo bằng mức án nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Đức H được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Gia đình bị cáo có bố là người có công với Nhà nước được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7]. Đối với hành vi bán ma túy lần thứ hai của bị cáo chưa đạt vì bị cáo đang trên đường mang ma túy đi bán cho T thì bị bắt, do vậy, áp dụng khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000,đ đến 500.000.000,đ*”, Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa bị cáo, hiện nay bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9]. Về xử lý vật chứng: 01 (*một*) đôi dép giả da màu nâu, đế màu đen, kích thước 27 x 10,5cm đã qua sử dụng; ; 01 (*một*) mũ bảo hiểm màu xanh đã qua sử dụng; 01 (*một*) dây chuyền bằng kim loại màu vàng trắng dài 56cm, một mặt kim loại màu vàng trắng có hình mặt người đã qua sử dụng. Qua điều tra xác định được là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến vụ án nên tuyên trả cho bị cáo.

[11]. 01 (*một*) xe mô tô nhãn hiệu HONDA-WAVE màu sơn xanh đen, biển kiểm soát 23B1 - 158.76 đã qua sử dụng; 01 (*một*) chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA đã qua sử dụng. Đây là xe máy bị cáo sử dụng để là phương tiện phạm tội. Nhưng do chiếc xe máy đăng ký sở hữu mang tên chị Trần Thị Phương L (vợ bị cáo). Tại phiên tòa, chị L xác nhận chiếc là tài sản chung của vợ chồng, chị L không biết bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, chị L xin được nhận lại tài sản. Do là tài sản chung chưa được phân chia quyền sở hữu và chị L không có lỗi, nên cần tuyên trả lại cho chị L chiếc xe máy để chị L quản lý sử dụng.

[12]. 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu VSMART màn hình cảm ứng màu đen, ốp ngoài bằng nhựa màu trắng đã qua sử dụng, là điện thoại của bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[13]. Số vật chứng gồm: 01 (một) phong bì niêm phong kín, mặt trước phong bì có chữ: CÔNG AN TỈNH HÀ GIANG, PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ; SỐ...../PC09, Kính gửi: “Mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4”, mặt sau có hai hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang và chữ ký, chữ viết tên của thành phần tham gia; 01 (một) phong bì niêm phong kín, mặt trước phong bì có chữ: CÔNG AN TỈNH HÀ GIANG, PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ; SỐ...../PC09, Kính gửi: “Mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu A1”, mặt sau có hai hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang và chữ ký, chữ viết tên của thành phần tham gia; 01 (một) phong bì niêm phong kín, mặt trước ghi: “Vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ”, mặt sau có ba hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang và tám chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) phong bì niêm phong kín, mặt trước ghi: “Toàn bộ các vỏ bao gói và các phong bì niêm phong cũ”, mặt sau có ba hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang và sáu chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong. Là mẫu vật ma túy và các vỏ bao đã cũ nên tịch thu tiêu hủy.

[14]. Số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tại Kho bạc tỉnh Hà Giang. Đây là số tiền bị cáo thu lời bất chính do bán ma túy mà có nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[15]. Ngày 16/9/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/LPT-CQĐT, phong tỏa số tiền trong tài khoản số: 8200205120553 của bị cáo Trần Đức H tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Agribank Chi nhánh Hà Giang, để điều tra. Nay vụ án đã được xét xử và xét thấy việc phong tỏa tài khoản không cần thiết, nên hủy bỏ biện pháp phong tỏa tài khoản của bị cáo H.

[16]. Đối với 02 viên ma túy màu hồng, loại MDMA, có tổng khối lượng là 0,950g (Không phải chín trăm năm mươi gam) và 01 túi ma túy loại Ketamine có khối lượng 0,659g (Không phải sáu trăm năm mươi chín gam) phát hiện khi khám xét nơi ở của bị cáo Trần Đức H tàng trữ nhằm mục đích bán khi có người hỏi mua; Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy, xác định được các chất ma túy đều có khối lượng dưới mức tối thiểu của từng chất đó theo quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, tổng khối lượng các chất ma túy được tính như sau: Tỷ lệ phần trăm về khối lượng ma túy loại MDMA quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là 19%; Tỷ lệ phần trăm về khối lượng ma túy loại Ketamine quy định tại điểm n khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là 3,295%; Cộng tỷ lệ phần trăm: 19% + 3,295% = 22,295%, dưới 100%, thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, nhưng do Hồng đã bị khởi tố về tội mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự nên phải chịu trách nhiệm chung theo khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Xét việc xử lý của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H là phù hợp đúng luật nên chấp nhận.



[17]. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm Nguyễn Trung T, Điều Thị Th, Quan Thị Y và Phan Trọng T sau khi bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy tại khách sạn H, đã khai nhận ma túy do T, Y và T góp tiền mua. Điều Thị Th khi được Y rủ đến chơi và cùng sử dụng chất ma túy, tuy nhiên, Th đã từng sử dụng ma túy nhiều lần trước đó, khi được rủ đến chơi, Th tự lấy ma túy để sử dụng, không bị ép buộc, do vậy hành vi của Y không cấu thành tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy hoặc tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Kết quả xét nghiệm chất ma túy cho thấy tất cả đều dương tính với ma túy tổng hợp, ngày 31/10/2020 Công an thành phố H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đối với 04 đối tượng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Xét việc xử lý của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Giang là phù hợp đúng luật nên chấp nhận.

[18]. Bà Nguyễn Thị H là người quản lý và đại diện trước pháp luật về hoạt động kinh doanh của khách sạn H, ngày 03/9/2020 các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng nghỉ số 303, khách sạn Hoàng Kim, thuộc thôn Châng, xã P, thành phố H, bà Hà không biết việc các đối tượng cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy tại đây nên không cấu thành tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 23/9/2020, Công an thành phố H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị H về hành vi người có trách nhiệm quản lý cơ sở cho thuê lưu trú để cho người khác lợi dụng sử dụng chất ma túy trong khu vực mình quản lý theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội, bằng hình thức phạt tiền: 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Xét việc xử lý của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H là phù hợp đúng luật nên chấp nhận.

[19]. Đối với Trần Thị Phương L ( *Vợ của bị cáo H*) là người rút tiền từ tài khoản của bị cáo Trần Đức H số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) vào ngày 04/9/2020 mục đích để trả nợ ngân hàng, nhưng chị Liên không biết đây là số tiền do bị cáo H bán ma túy mà có và đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra, nên không xem xét xử lý. Xét việc xử lý của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H là phù hợp đúng luật nên chấp nhận.

[20]. Đối với người bán ma túy cho Trần Đức H, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ nếu đủ cơ sở sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[21]. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 57 - Bộ Luật hình sự; Điều 47 - Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; Điều 130; khoản 2, 3 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; áp dụng khoản 1 Điều 23

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Đức H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Đức H 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ tạm giam ngày 03/9/2020.

- Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/LPT-CQĐT ngày 16/9/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đối với tài khoản: 8200205120553 tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Agribank- Chi nhánh Hà Giang của Trần Đức H.

- Xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong kín, mặt trước phong bì có chữ: CÔNG AN TỈNH HÀ GIANG, PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ; SỐ...../PC09, Kính gửi: “*Mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4*”, mặt sau có hai hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang và chữ ký, chữ viết tên của thành phần tham gia; 01 (một) phong bì niêm phong kín, mặt trước phong bì có chữ: CÔNG AN TỈNH HÀ GIANG, PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ; SỐ...../PC09, Kính gửi: “*Mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu A1*”, mặt sau có hai hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang và chữ ký, chữ viết tên của thành phần tham gia; 01 (một) phong bì niêm phong kín, mặt trước ghi: “*Vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ*”, mặt sau có ba hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang và tám chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) phong bì niêm phong kín, mặt trước ghi: “*Toàn bộ các vỏ bao gói và các phong bì niêm phong cũ*”, mặt sau có ba hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang và sáu chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VSMART màn hình cảm ứng màu đen, ốp ngoài bằng nhựa màu trắng đã qua sử dụng và số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) được ghi trên ủy nhiệm chi tại Kho bạc tỉnh Hà Giang ngày 01/12/2020.

+ Trả lại cho chị Trần Thị Phương L: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA-WAVE màu sơn xanh đen, biển kiểm soát 23B1 - 158.76 đã qua sử dụng; 01 (một) chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA đã qua sử dụng;

+ Trả lại cho bị cáo Trần Đức H: 01 (một) đôi dép giả da màu nâu, đế màu đen, kích thước 27 x 10,5cm đã qua sử dụng; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh đã qua sử dụng; 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng trắng dài 56cm, một mặt kim loại màu vàng trắng có hình mặt người đã qua sử dụng.

*Vật chứng được bàn giao tại biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Hà Giang và cơ quan Thi hành án dân sự TP Hà Giang ngày 01/12/2020.*

- Án phí: Buộc bị cáo Trần Đức H phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Viện Kiểm sát tỉnh Hà Giang;
- Viện kiểm sát TP. H;
- Công an TP.H;
- Nhà tạm giữ - Công an TP.H
- CQ thi hành án hình sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSHS- BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thanh Bình**